

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bổ sung danh mục ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức trong các kỳ thi tuyển sinh cao học

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH

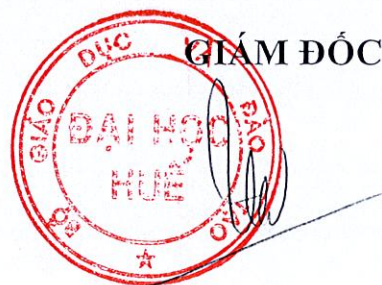
Điều 1. Bổ sung một số ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức vào Danh mục các ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức trong tuyển sinh cao học tại Đại học Huế được ban hành kèm theo Quyết định số 1710/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế (Có danh mục bổ sung kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Đào tạo và Công tác sinh viên, Thanh tra và Pháp chế; Hiệu trưởng các Trường: Đại học Khoa học, Đại học Kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó GĐ Huỳnh Văn Chương;
- Lưu: VT, ĐTCTSV.NĐP.



Nguyễn Quang Linh

DANH MỤC (BỔ SUNG) CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP; NGÀNH GẦN; NGÀNH KHÁC VÀ CÁC MÔN HỌC
BỔ TÚC KIẾN THỨC TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

STT	Chuyên ngành	Ngành đúng	Ngành gần	Ngành khác	Môn BTKT	Số TC
1	Kỹ thuật điện tử	1. Công nghệ kỹ thuật điện	1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	1. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	*Ngành gần: chọn 2/4 học phần.	
			2. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	1. Xác suất thống kê	2
				3. Kỹ thuật hàng không	2. Kỹ thuật số	2
				4. Kỹ thuật không gian	3. Thông tin số	2
				5. Kỹ thuật điện	4. Cấu trúc vi xử lý và vi mạch	2
					*Ngành khác: chọn 3/4 học phần.	
				6. Kỹ thuật điện tử - viễn thông	1. Lý thuyết tín hiệu và hệ thống	2
				7. Kỹ thuật y sinh	2. Kỹ thuật số	2
				8. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3. Cơ sở kỹ thuật thông tin	2
				9. Vật lý kỹ thuật	4. Cấu trúc vi xử lý và vi mạch	2
				10. Khoa học máy tính		
				11. Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
				12. Hệ thống thông tin		
				13. Kỹ thuật máy tính		
				14. Công nghệ kỹ thuật máy tính		
2	Quản lý công nghệ thông tin	1. Công nghệ thông tin	1. Khoa học máy tính	1. Công nghệ tự động hóa	*Ngành gần: chọn 2/4 học phần.	
			2. Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Các ngành thu hút	*Ngành khác: 04 học phần.	
			3. Kỹ thuật phần mềm		1. Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2
			4. Hệ thống thông tin		2. Phân tích và thiết kế	2
			5. Kỹ thuật máy tính		3. Công nghệ phần mềm	2
			6. Điện tử viễn thông		4. Quy trình phát triển phần mềm	2



3	Sinh học	1. Sinh vật 2. SP Sinh - kỹ thuật nông nghiệp 3. SP Sinh - kỹ thuật nông lâm 4. Công nghệ thực phẩm - Sinh học	1. Kỹ thuật nông lâm		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
4	Công nghệ sinh học		1. Công nghệ thực phẩm - Sinh học		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
5	Sinh học thực nghiệm		1. Công nghệ sau thu hoạch		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
6	Quản lý văn hóa		1. Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam 2. Tiếng Pháp 3. Kinh tế Nông Lâm 4. Lưu Trữ và Quản trị văn phòng		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
7	Công tác xã hội		1. Lưu Trữ và Quản trị văn phòng		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
8	Toán học	1. Khoa học tính toán 2. Toán cơ	1. Thống kê 2. Toán kinh tế 3. Thống kê kinh tế 4. Khoa học máy tính 5. Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 6. Kỹ thuật phần mềm 7. Hệ thống thông tin 8. Kỹ thuật máy tính	1. Tài chính – Ngân hàng 2. An toàn thông tin 3. Thủy văn học 4. Hải dương học 5. Khí tượng và khí hậu học 6. Sư phạm Toán - Lý 7. Hải dương khí tượng và thủy văn	Ngành gần: 3 học phần 1. Đại số đại cương 2. Hàm thực 3. Xác suất cơ sở Ngành khác: 5 học phần 1. Đại số đại cương 2. Hàm thực 3. Xác suất cơ sở	2 2 2 2 2 2 2

			9. Công nghệ kỹ thuật máy tính		4. Giải tích hàm	2
			10. SP tin học		5. Đại số tuyến tính	2
			11. Hệ thống thông tin kinh tế			
			12. Cử nhân kinh tế			
			13. Hệ thống thông tin quản lý			
9	Khoa học môi trường		1. Địa lý tài nguyên và môi trường		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
			2. Công nghệ vật liệu vật liệu Polyme			
10	Khoa học máy tính		1. Kỹ thuật điện tử viễn thông		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
			2. Kỹ thuật điện - điện tử			
			3. Kỹ thuật điện			
			4. Công nghệ tự động			
11	Quản lý tài nguyên và môi trường		1. Địa chính		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
			2. Địa chất-Kỹ thuật			
			3. Công nghệ kỹ thuật hóa học			
12	Triết học		1. Hành chính học		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
				1. Sư phạm Thể chất - Giáo dục quốc		
				2. Sư phạm Giáo dục thể chất		
				3. Luật		
13	Vật lý chất rắn		1. Kỹ thuật công nghiệp		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
14	Kiến trúc		1. Quản lý xây dựng đô thị		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	

15	Kỹ thuật địa chất	1. Địa kỹ thuật xây dựng	1. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	1. Kỹ thuật vật liệu		
		2. Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	2. Kỹ thuật xây dựng công trình biển	2. Kỹ thuật thăm dò và khảo sát		
		3. Địa chất	3. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	3. Kỹ thuật biển		
			4. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	4. Kỹ thuật môi trường		
			5. Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	5. Công nghệ kỹ thuật kiến trúc		
			6. Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6. Công nghệ vật liệu		
			7. Công nghệ kỹ thuật giao thông	7. Công nghệ môi trường		
			8. Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	8. Công nghệ kỹ thuật môi trường		
			9. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	9. Công nghệ kỹ thuật môi trường		
			10. Địa lý tài nguyên và môi trường	10. Khai thác mỏ		
				11. Quản lý đô thị và công trình	Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.	
				12. Quản lý xây dựng		
				13. Quản lý biển đảo và đới bờ		
				14. Quản lý tài nguyên thiên nhiên		
				15. Kinh tế xây dựng		
				16. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		
				17. Hải dương học		
				18. Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị		
				19. Địa lý		
				20. Địa lý học		
				21. Địa lý môi trường		
				22. Bản đồ học		
				23. Khí tượng thủy văn		
				24. Khí tượng, khí hậu học		
				25. Lâm nghiệp đô thị		
				26. Môi trường		
				27. Thủy lợi		